

Bản án số: **58/2021/HS-PT**
Ngày: 17/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Các Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Ông **Trần Minh Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Từ Văn Hoàng Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 36/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Thái L do có kháng cáo của bị cáo Thái L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2021/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo kháng cáo:

Thái L; tên thường gọi: Không; sinh năm 1957 tại Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT: Tổ xx phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Tổ xx phường B, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông K (*đã chết*) và bà N (*đã chết*). Có vợ là bà H và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/5/1984, bị Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân” theo Điều 9 Pháp lệnh số 150-LCT Trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Bị cáo bị bắt ngày 02/11/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Sơn Trà. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1970; và bà **Dương Thị H**, sinh năm 1975;

Cùng trú tại: Tổ xx, phường Q, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Thái Thị X**, sinh năm 1961; Trú tại: xxx đường D, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Thái Thị Diễm H**, sinh năm 1993; Trú tại: xx đường Đ, phường B, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1976; Trú tại: Tổ xx phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có quyền hạn, chức trách gì trong việc giải quyết vụ án Lê Trung N bị truy tố về tội Giết người. Nhưng muốn chiếm đoạt tài sản của người bị hại nên bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối là mình có mối quan hệ quen biết Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, có thể “chạy án” cho Lê Trung N với mức án thấp nhất. Bị cáo L đã hơn 15 lần nhận tiền với tổng số tiền là 90.000.000 đồng của chị H, ông T với mục đích “chạy án” cho Lê Trung N. Bị cáo nói với bị hại số tiền này, bị cáo đã chuyển khoản và đưa trực tiếp cho Trần Xuân T số tiền 85.000.000 đồng, còn số tiền 5.000.000 đồng dùng để thuê luật sư bào chữa cho N nhưng sau đó không thuê được luật sư nên bị cáo tiêu xài cá nhân. Tại phiên tòa, bị cáo L thừa nhận số tiền nhận của ông T, bà H là 95.000.000 đồng. Việc bị cáo khai đã chuyển số tiền 85.000.000 đồng cho Trần Xuân T là cán bộ của Tòa án nhân dân Tối cao trong đó chuyển khoản qua Ngân hàng 02 lần với tổng số tiền là 35.000.000 đồng, đưa trực tiếp cho T số tiền 50.000.000 đồng tại nhà bị cáo ở tổ xx, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Ngày 01/6/2020, Tòa án nhân dân Tối cao có Công văn số 396/CV-TA trả lời từ năm 2015 đến nay, không có cán bộ công chức nào tên Trần Xuân T làm việc tại Tòa án nhân dân Tối cao. Bên cạnh đó, qua xác minh tại Ngân hàng TMCP T – PGD L tại địa chỉ số 1xx-1xx đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng xác định tại thời điểm tháng 12 năm 2017, Phòng giao dịch L của Ngân hàng TMCP T tại địa chỉ trên chưa đi vào hoạt động. Mặt khác, Thái L không cung cấp được bất kỳ thông tin gì về số điện thoại, địa chỉ, số tài khoản của Trần Xuân T. Do vậy, toàn bộ lời khai của bị cáo là bịa đặt, không có căn cứ. Xét thấy, bị cáo Thái L là người không có khả năng, điều kiện, chức trách trong việc giải quyết vụ án Lê Trung N bị khởi tố, truy tố và xét xử về tội Giết người nhưng với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản, Thái L đã đưa ra thông tin gian dối có mối quan hệ quen biết sẽ nhờ người giúp đỡ cho Lê Trung N được mức án nhẹ nhất và đã nhiều lần nhận tiền của ông T, bà H với số tiền 95.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Thái L đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án sơ thẩm số 20/2021/HSST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thái L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thái L: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2020.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo về quyền kháng cáo bản án.

Ngày 30/3/2021, bị cáo Thái L có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Thái L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Thái L theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Thái L thì thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ căn cứ để khẳng định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thái L khai nhận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến giữa năm 2018, Thái L là người không có khả năng, điều kiện và chức trách trong việc giải quyết vụ án Lê Trung N bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội Giết người nhưng với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản, Thái L đã đưa ra thông tin gian dối là có mối quan hệ quen biết sẽ nhờ người giúp đỡ cho Lê Trung N được mức án nhẹ nhất và đã nhiều lần nhận của vợ chồng chị H với tổng số tiền là 95.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền 95.000.000 đồng, Thái L đã sử dụng vào mục đích cá nhân như nội dung bản án sơ thẩm đã kết luận. Vì vậy, bị cáo thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HSST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức hình phạt 03 (ba) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá nặng, bị cáo đã nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình, ăn năn, hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra, hiện nay sức khỏe của bị cáo không đảm bảo. Vì vậy, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình, chữa bệnh, đồng thời khắc phục hậu quả cho bị hại.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Thái L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Thái L theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Hành vi phạm tội của bị cáo Thái L đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, ngày 22/5/1984, bị Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân” theo Điều 9 Pháp lệnh số 150-LCT Trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình, đã từng bị xử phạt về hành vi phạm tội tương tự, do đó, phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự và Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định pháp luật cũng như xem xét về mặt nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án 03 năm là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới, cũng như không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thái L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Thái L: 03 (ba)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị bắt 02/11/2020.

II. Về án phí: Bị cáo Thái L phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

III. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- CQCSĐT Công an quận Sơn Trà;
- Toà án nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THA quận Sơn Trà;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trọng Danh